

111 年度產業人才投資計畫招訓簡章

訓練單位名稱	財團法人台灣經濟研究院																						
課程名稱	越南語商務會話班第 1 期																						
上課地點/方式	採遠距教學 (軟體: google meet)																						
報名方式	採線上報名 1.請先至「臺灣就業通」網站 https://ojt.wda.gov.tw/ 加入會員 2.再至「在職訓練網」 https://ojt.wda.gov.tw/ 報名																						
訓練目標	配合政府新南向政策，為提升在越南設廠投資台商企業之競爭力，有必要充實員工之越語字彙及會話能力。本訓練課程旨在透過字彙及會話，提升學員之越語能力。以職場越語為主要內容，使同仁工作上可以不受語言限制，學習後能聽懂越語，並進一步回應溝通，熟悉彼此語言，產生良好互動。希望能由訓練前之簡易越語會話，於結訓後轉變為能進行商務會話溝通。透過此在職進修能提升個人的就業技能，並獲得個人升遷或加薪機會，進而增加公司業績與營收。																						
課程內容大綱 及時數	111.03.09~06.01 (星期三) PM 19:00~22:00 <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="text-align: center;">日期</th> <th style="text-align: center;">時數</th> <th style="text-align: center;">課程進度/內容</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">3.09(星期三)</td> <td style="text-align: center;">3</td> <td> ●課程介紹 ●用越南語簡單自我介紹 </td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">3.16(星期三)</td> <td style="text-align: center;">3</td> <td> 第一課：Em là nhân viên mới vào làm (我是新進人員) *生詞介紹、如何運用、補充詞彙、延伸問題、現代流行用語 *文法講解與練習 </td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">3.23(星期三)</td> <td style="text-align: center;">3</td> <td> 第一課：Em là nhân viên mới vào làm (我是新進人員) *練習題修正、課文講解 *聽力練習 </td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">3.30(星期三)</td> <td style="text-align: center;">3</td> <td> 第二課：Công ty chúng ta thành lập bao lâu rồi? (我們公司成立多久了?) *生詞介紹、如何運用、補充詞彙、延伸問題、現代流行用語 *文法講解與練習 </td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">4.06(星期三)</td> <td style="text-align: center;">3</td> <td> 第二課：Công ty chúng ta thành lập bao lâu rồi? (我們公司成立多久了?) *練習題修正、課文講解 *聽力練習 </td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">4.13(星期三)</td> <td style="text-align: center;">3</td> <td> 第三課：Anh có thể nói rõ nghiệp vụ mà em sẽ phụ trách không? (你可以說明我將要負責的業務嗎?) *生詞介紹、如何運用、補充詞彙、延伸問題、現代流行用語 *文法講解與練習 </td> </tr> </tbody> </table>		日期	時數	課程進度/內容	3.09(星期三)	3	●課程介紹 ●用越南語簡單自我介紹	3.16(星期三)	3	第一課：Em là nhân viên mới vào làm (我是新進人員) *生詞介紹、如何運用、補充詞彙、延伸問題、現代流行用語 *文法講解與練習	3.23(星期三)	3	第一課：Em là nhân viên mới vào làm (我是新進人員) *練習題修正、課文講解 *聽力練習	3.30(星期三)	3	第二課：Công ty chúng ta thành lập bao lâu rồi? (我們公司成立多久了?) *生詞介紹、如何運用、補充詞彙、延伸問題、現代流行用語 *文法講解與練習	4.06(星期三)	3	第二課：Công ty chúng ta thành lập bao lâu rồi? (我們公司成立多久了?) *練習題修正、課文講解 *聽力練習	4.13(星期三)	3	第三課：Anh có thể nói rõ nghiệp vụ mà em sẽ phụ trách không? (你可以說明我將要負責的業務嗎?) *生詞介紹、如何運用、補充詞彙、延伸問題、現代流行用語 *文法講解與練習
日期	時數	課程進度/內容																					
3.09(星期三)	3	●課程介紹 ●用越南語簡單自我介紹																					
3.16(星期三)	3	第一課：Em là nhân viên mới vào làm (我是新進人員) *生詞介紹、如何運用、補充詞彙、延伸問題、現代流行用語 *文法講解與練習																					
3.23(星期三)	3	第一課：Em là nhân viên mới vào làm (我是新進人員) *練習題修正、課文講解 *聽力練習																					
3.30(星期三)	3	第二課：Công ty chúng ta thành lập bao lâu rồi? (我們公司成立多久了?) *生詞介紹、如何運用、補充詞彙、延伸問題、現代流行用語 *文法講解與練習																					
4.06(星期三)	3	第二課：Công ty chúng ta thành lập bao lâu rồi? (我們公司成立多久了?) *練習題修正、課文講解 *聽力練習																					
4.13(星期三)	3	第三課：Anh có thể nói rõ nghiệp vụ mà em sẽ phụ trách không? (你可以說明我將要負責的業務嗎?) *生詞介紹、如何運用、補充詞彙、延伸問題、現代流行用語 *文法講解與練習																					

	4.20(星期三)	3	第三課：Anh có thể nói rõ nghiệp vụ mà em sẽ phụ trách không? (你可以說明我將要負責的業務嗎?) *練習題修正、課文講解 *聽力練習
	4.27(星期三)	3	第四課：Thăm viếng khách hàng (拜訪客戶) *生詞介紹、如何運用、補充詞彙、延伸問題、現代流行用語 *文法講解與練習
	5.04(星期三)	3	第四課：Thăm viếng khách hàng (拜訪客戶) *練習題修正、課文講解 *聽力練習
	5.11(星期三)	3	第五課：Em đang cố làm xong báo cáo ngày mai (我在趕明天的報告) *生詞介紹、如何運用、補充詞彙、延伸問題、現代流行用語 *文法講解與練習
	5.18(星期三)	3	第五課：Em đang cố làm xong báo cáo ngày mai (我在趕明天的報告) *練習題修正，課文講解 *聽力練習
	5.25(星期三)	3	第六課：Em muốn xin nghỉ phép (我想請假) *生詞介紹、如何運用、補充詞彙、延伸問題、現代流行用語 *文法講解與練習
	6.01(星期三)	3	第六課：Em muốn xin nghỉ phép (我想請假) *練習題修正、課文講解 *聽力練習 ●復習與測驗
	上課教材： 1.購買教材：越南語商務會話，國立政治大學外語學院陳鳳鳳編著 2.教師自編講義		
學員資格	●資格條件： (一)高中職(含)以上 (二)已有初級程度，已學過越南語發音及句型，對越南語有興趣者。		
遴選學員標準及作業程序	1.招訓方式：台經院網站、發送電子報等。 2.遴選方式：依在職訓練網線上報名網站報名完成順序審核參訓資格，由本單位依序通知於5天內完成繳費及相關資料，逾期未完成則由候補人員依序遞補。		

招訓人數	22 人
報名起迄日期	111 年 2 月 7 日(中午 12 時)至 111 年 3 月 6 日(18 時)
預定上課時間	111 年 3 月 9 日 (星期三) 至 6 月 1 日 (星期三) 每週三晚上 19:00-22:00 上課，共計 39 小時
授課師資	<p>黎橋幸雲</p> <p>【學歷】</p> <ul style="list-style-type: none"> ● 國立台灣師範大學華語文教學系碩士班(在學中) ● 建國科技大學 服務與科技管理研究所碩士畢業 ● 越南胡志明市社會及人文科學大學文學及語言系學士 <p>【經歷】</p> <p>教學經歷</p> <ul style="list-style-type: none"> ● 台灣越藝協會東南亞語言中心(現職) ● 網路支點公司 http://www.easyvietnamese.com/ ● Practical 越南語中心 ● 多所企業約聘講師(中鋼/SYM/HSBC/富美興等...) ● 華視文化頻道越南語新聞 ● 修平科技大學 ● 政大外文中心經貿班 ● 政大公企中心 <p>【證照】</p> <p>師範業務培訓課程證明書</p>
費用	<p>實際參訓費用\$5,590 元 (勞動部勞動力發展署北基宜花金馬分署補助\$4,472 元，參訓學員自行負擔\$1,118 元)</p> <p>一般勞工政府補助訓練費用 80%、全額補助對象政府補助訓練費用 100%</p>
退費辦法	<p>※依據產業人才投資計畫第 30、31 點規定</p> <p>第 30 點、參訓學員已繳納訓練費用，但因個人因素，於開訓日前辦理退訓者，訓練單位應依下列規定辦理退費：</p> <ol style="list-style-type: none"> (一) 非學分班訓練單位至多得收取本署核定訓練費用百分之五，餘者退還學員。 (二) 學分班退費標準依教育部規定辦理。 已開訓但未逾訓練總時數三分之一者，訓練單位應退還本署核定訓練費用百分之五十。但已逾訓練總時數三分之一者，不予退費。 匯款退費者，學員須自行負擔匯款手續費用或於退款金額中扣除。 <p>第 31 點、訓練單位有下列情事之一者，應全數退還學員已繳交之費用：</p> <ol style="list-style-type: none"> (一) 因故未開班。 (二) 未如期開班。 (三) 因訓練單位未落實參訓學員資格審查，致有學員不符補助資格而退訓者。 <p>訓練單位如變更訓練時間、地點或其他重大缺失等，致學員無法配合而需退訓者，訓練單位應依未上課時數佔訓練總時數之比例退還學員訓練費用。</p> <p>因訓練單位之原因，致學員無法於結訓後六個月內取得本計畫補助金</p>

